

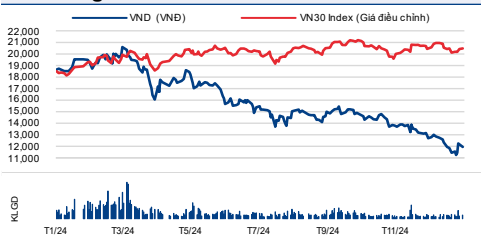
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VND16,000
Tiềm năng tăng/giảm: 33.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/1/2025)	11,950
Mã Bloomberg	VND VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	11,250-20,643
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	12,017
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	18,188
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	720
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,522
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,522
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,181
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.0%
Tỷ lệ freefloat	70.0%
Cổ đông lớn	Securities Group Inc. (25.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (tỷ đồng)	41,742	46,066	58,370
Cho vay kỳ quỹ (tỷ đồng)	10,277	12,127	15,401
Doanh thu HĐ (tỷ đồng)	6,561	6,353	7,618
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	2,019	1,913	2,290
BVPS (đồng)	13,549	12,746	14,516
EPS (đồng)	1,658	1,279	1,393
DPS (đồng)	500	500	500
T.trưởng tổng tài sản (%)	7.39	10.4	26.7
T.trưởng c.vay KQ (%)	13.4	18.0	27.0
T.trưởng DT HĐ (%)	(3.91)	(3.17)	19.9
Tăng trưởng EPS (%)	65.5	(22.9)	8.93
Tăng trưởng DPS (%)	(64.3)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	30.2	39.1	35.9
ROAE (%)	13.0	10.6	10.0
ROAA (%)	5.01	4.36	4.39
Tỷ lệ CIR (%)	40.0	48.5	46.3
Lãi suất cho vay BQ (%)	0.12	0.11	0.12
Vòng quay tổng TS (%)	16.3	14.5	14.6
Đòn bẩy vốn (%)	253	234	225
Thị phần môi giới CP (%)	7.00	6.10	6.60
P/E (lần)	7.21	9.35	8.58
P/B (lần)	0.88	0.94	0.82
Lợi suất cổ tức (%)	4.18	4.18	4.18

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VND là một công ty chứng khoán tăng trưởng nhanh, được tiếp lực bởi phát triển công nghệ và mảng khách hàng bán lẻ, công ty có thị phần khoảng 7%.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q4/2024: LNTT giảm 72% do lãi hoạt động tự doanh kém tích cực

- VND công bố LNTT Q4/2024 kém tích cực đạt 275 tỷ đồng, giảm 72% so với cùng kỳ và giảm 56% so với quý trước, do lãi hoạt động tự doanh giảm 69% so với cùng kỳ, trong khi lãi từ cho vay kỳ quỹ tăng 20% so với cùng kỳ và lợi nhuận nghiệp vụ môi giới đi ngang so với cùng kỳ. LNTT cả năm 2024 đạt 2.088 tỷ đồng, giảm 16% và bằng 89% dự báo cả năm 2024 của chúng tôi.
- Tỷ trọng TPDN có vấn đề và lãi dự thu của VND vẫn ở mức cao, cùng những lo ngại về rủi ro đầu tư vẫn lớn.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 20% trong 3 tháng qua, VND đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 8,4 lần, thấp hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ Q4/2020 và thấp hơn bình quân ngành ở mức 15,4 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024 vào ngày 21/1/2025

VND công bố LNTT Q4/2024 kém tích cực đạt 275 tỷ đồng, giảm 72% so với cùng kỳ và giảm 56% so với quý trước, do lãi hoạt động tự doanh giảm 69% so với cùng kỳ xuống 318 tỷ đồng, trong khi lãi từ cho vay kỳ quỹ tăng 20% so với cùng kỳ đạt 326 tỷ đồng và lợi nhuận nghiệp vụ môi giới đi ngang so với cùng kỳ đạt 23 tỷ đồng. Từ đó, LNTT cả năm 2024 đạt 2.088 tỷ đồng, giảm 16% so với cùng kỳ và chỉ hoàn thành 89% dự báo cả năm 2024 của chúng tôi là 2.359 tỷ đồng.

Mảng nghiệp vụ môi giới: Đà tăng đúng hướng

Doanh thu nghiệp vụ môi giới Q4/2024 giảm 15% so với quý trước và giảm 35% so với cùng kỳ xuống 24 tỷ đồng do 2 nguyên nhân: (1) giá trị giao dịch bình quân ngày giảm 6% so với quý trước xuống 17,6 nghìn tỷ đồng; và (2) thị phần của VND giảm xuống 5,08% từ 5,7% trong Q3/2024 và 6,5% trong Q4/2023. Trong khi đó, chi phí nghiệp vụ môi giới giảm 39% so với cùng kỳ (tăng 8% so với quý trước) xuống 118 tỷ đồng.

Do đó, lợi nhuận nghiệp vụ môi giới Q4/2024 đi ngang so với cùng kỳ ở mức 23 tỷ đồng nhưng giảm từ 58 tỷ đồng trong Q3/2024. Từ đó, lợi nhuận nghiệp vụ môi giới cả năm 2024 đạt 252 tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ và bằng 101% dự báo cả năm của chúng tôi.

Tỷ lệ phí giữ lại của VND (phí thuần/phí gộp) đạt 17% trong Q4, giảm mạnh từ 35% trong Q3/2024 nhưng tăng từ 11% trong Q4/2023. Chiến lược tập trung vào khách hàng cá nhân cùng lợi thế về công nghệ vẫn hỗ trợ mảng nghiệp vụ môi giới của VND trong giai đoạn này. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng VND sẽ cần giảm tỷ lệ này (giảm phí giao dịch hoặc tăng hoa hồng cho nhân viên môi giới) để giành lại thị phần trong tương lai.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q4/2024, VND

Tỷ đồng	Q4/23	Q4/24	% so với cùng kỳ	2023	2024	Tăng trưởng	% HSC dự báo
Tổng thu nhập HĐ	1,452	582	-60%	4,375	3,204	-27%	86%
Môi giới	23	23	0%	252	252	0%	101%
Cho vay kỳ quỹ	273	327	20%	1,154	1,255	9%	104%
HĐ tự doanh	1,040	318	-69%	2,882	1,863	-35%	87%
Khác	116	(87)	-1.75	88	(166)	-137%	
Lỗ tài chính	(271)	(183)	-32%	(1,448)	(659)	-54%	73%
Chi phí HĐ	(190)	(124)	-35%	(433)	(453)	5%	100%
Thu nhập thuần khác	1	0	-100%	0	0		
LNTT	991	275	-72%	2,487	2,088	-16%	89%
Lợi nhuận thuần	820	273	-67%	2,021	1,774	-12%	93%

Nguồn: VND, HSC

Mảng cho vay ký quỹ: Đà tăng khiêm tốn hơn

Lãi từ cho vay ký quỹ Q4/2024 tăng 20% so với cùng kỳ và tăng 4% so với quý trước lên 327 tỷ đồng. Lãi từ cho vay ký quỹ cả năm 2024 đạt 1.255 tỷ đồng, hoàn thành 104% dự báo của chúng tôi. Từ đó, dư nợ cho vay ký quỹ giảm 5% so với quý trước nhưng tăng 1% so với cùng kỳ đạt 10,3 nghìn tỷ đồng. Lưu ý rằng dư nợ cho vay ký quỹ của các CTCK lớn khác như SSI (Mua vào, giá mục tiêu 29.500đ), HCM (Chưa khuyến nghị), TCBS (Tư nhân/Chưa niêm yết) và VPS (Tư nhân/Chưa niêm yết) đều mức tăng so với quý trước lên mức cao kỷ lục - trái ngược với xu hướng của VND.

Tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ/vốn CSH của VND trong Q4/2024 là 52%, thấp hơn đáng kể so với bình quân ngành ở mức khoảng 100%. Nguồn vốn bị ứ đọng trong danh mục đầu tư trái phiếu đã tác động tiêu cực tới năng lực cho vay ký quỹ của Công ty.

Trong Q4/2024, lãi suất cho vay ký quỹ của VND tăng 40 điểm cơ bản so với quý trước (đi ngang so với cùng kỳ) ở mức 11,9% trong khi chi phí huy động là 3,2%, đi ngang so với quý trước mặc dù giảm 340 điểm cơ bản so với mức nền cao Q4/2023 khi thanh khoản của VND ở mức thấp. Từ đó, tỷ lệ NIM của VND tăng lên 8,7% trong Q4/2024 từ 8,3% trong Q3/2024 và 5,3% trong Q4/2023. Tỷ lệ NIM đã hồi phục trở lại mức bình thường trong giai đoạn 2020-2022.

Lãi hoạt động tự doanh sụt giảm do HĐ mua bán trái phiếu và cổ phiếu sụt giảm

Lãi hoạt động tự doanh giảm mạnh 69% so với cùng kỳ (giảm 46% so với quý trước) đạt 318 tỷ đồng, chủ yếu do 2 nguyên nhân bao gồm:

- **Thu nhập mua bán trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi sụt giảm:** Giảm 45% so với cùng kỳ xuống 306 tỷ đồng chủ yếu do không ghi nhận lãi mua bán trái phiếu trong quý.
- **Thu nhập từ cổ phiếu và hợp đồng tương lai kém tích cực:** Giảm mạnh 98% so với cùng kỳ xuống 12 tỷ đồng do diễn biến kém tích cực của các cổ phiếu lớn trong danh mục của VND, bao gồm HSG (Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 21.500đ), VPB (Mua vào, giá mục tiêu 23.000đ), C4G (Chưa khuyến nghị) và LTG (Chưa khuyến nghị), tất cả những công ty này đều phải đối mặt với thách thức trong giai đoạn thị trường khó khăn trong Q4/2024.

Tuy nhiên, lãi mua bán trái phiếu sụt giảm sự giúp nâng cao chất lượng và tính bền vững của lãi hoạt động tự doanh của VND trong tương lai. Trong năm 2024, lãi hoạt động tự doanh của VND giảm 35% so với cùng kỳ xuống 1.863 tỷ đồng, đóng góp 58% tổng thu nhập hoạt động. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng lãi hoạt động tự doanh trong năm 2024 có chất lượng vượt trội so với năm 2023 (2.882 tỷ đồng, đóng góp 66% tổng thu nhập hoạt động) chủ yếu đến từ lãi mua bán trái phiếu.

Danh mục tài sản FVTPL của VND vẫn ổn định so với quý trước (tăng 47% so với cùng kỳ) ở mức 24,5 nghìn tỷ đồng, bao gồm 3,4 nghìn tỷ đồng cổ phiếu, 14,6 nghìn tỷ đồng trái phiếu và 6,5 nghìn tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi. Đáng chú ý, 59% danh mục FVTPL phân bổ cho trái phiếu với tỷ trọng lớn liên quan đến các công ty năng lượng tái tạo, đặc biệt là Tập đoàn Trung Nam, hiện đang phải đối mặt với những thách thức về dòng tiền. Danh mục tài sản HTM tăng lên 5,5 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so với quý trước nhưng giảm 25% so với cùng kỳ, chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn (dưới 12 tháng). Lợi suất danh mục tài sản HTM tiếp tục xu hướng giảm, giảm xuống 6,8% trong Q4/2024 từ 7,1% trong Q3/2024 và 9,2% trong Q4/2023.

Cổ tức và lãi dự thu vẫn ổn định so với quý trước ở mức 1.077 tỷ đồng, so với 1.089 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2024 và 821 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q4/2023. Khoản dự thu này chiếm 6,8% tổng danh mục trái phiếu với đóng góp chính từ TPDN – đặc biệt là TPDN liên quan đến Tập đoàn Trung Nam, doanh nghiệp vẫn đang bị hạn chế thanh toán cả lãi và gốc. Điều này cho thấy

nguồn vốn ứ đọng ở các khoản đầu tư của VND có thể sẽ mất khá nhiều thời gian để được giải phóng.

Gần đây, Tập đoàn Trung Nam công bố kế hoạch mua lại 250 tỷ đồng trong tổng số 7.800 tỷ đồng thông qua 8 đợt phát hành trái phiếu. Tuy nhiên, đợt mua lại này chỉ chiếm một phần nhỏ và khó có thể cải thiện đáng kể thanh khoản của VND trong thời gian tới.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu giảm 20% trong 3 tháng qua, VND đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 8,4 lần, thấp hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ Q4/2020 nhưng thấp hơn đáng kể so với bình quân ngành ở mức 15,4 lần. Trên cơ sở KQKD thực hiện (thấp hơn 11% so với dự báo của chúng tôi), lãi hoạt động tự doanh kém tích cực và thị phần sụt giảm, HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu HĐ môi giới CK	1,249	867	877	1,218	1,498
Lãi cho vay ký quỹ	1,600	1,154	1,210	1,583	2,125
Doanh thu HĐ tự doanh	3,693	4,309	4,012	4,524	5,114
Phí bảo lãnh phát hành	-	-	-	-	-
Thu nhập dịch vụ tư vấn	196	118	130	156	195
Thu nhập HĐ khác	90.0	113	124	137	150
Doanh thu HĐ	6,828	6,561	6,353	7,618	9,082
Chi phí HĐ	(4,205)	(2,624)	(3,084)	(3,526)	(4,316)
Lợi nhuận HĐ	2,623	3,937	3,269	4,092	4,766
Lợi nhuận tài chính	(1,089)	(1,448)	(902)	(1,254)	(1,383)
Lợi nhuận khác	0	(7.00)	(7.00)	(13.0)	(27.0)
LNTT	1,534	2,482	2,360	2,825	3,356
Chi phí thuế TNDN	(315)	(464)	(448)	(536)	(638)
LNST	1,219	2,018	1,912	2,289	2,718
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)
Lợi nhuận thuần	1,220	2,019	1,913	2,290	2,719

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2,557	5,701	5,760	11,339	11,167
Phải thu	2,246	948	959	1,331	1,637
Phải thu dịch vụ & phải thu khác	357	375	380	538	668
Tài sản tài chính	33,511	34,320	38,557	44,715	52,652
FVTPL	19,062	16,730	19,239	22,125	25,444
HTM	5,618	7,432	7,432	7,432	7,432
Cho vay ký quỹ	9,061	10,277	12,127	15,401	20,021
AFS	0	0	(122)	(124)	(127)
Dự phòng	(230)	(119)	(119)	(119)	(119)
Đầu tư dài hạn	23.9	226	226	226	226
HTM	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD, LK	23.9	23.9	23.9	23.9	23.9
Đầu tư dài hạn khác	0	202	202	202	202
Tài sản cố định	77.7	106	117	128	141
Tài sản khác	99.0	66.4	67.2	93.3	115
Tổng tài sản	38,871	41,742	46,066	58,370	66,605
Nợ phải trả và vốn CSH					
Vay ngắn hạn	19,312	20,468	21,332	25,798	31,694
Trái phiếu ngắn hạn	850	400	0	0	0
Phải trả hoạt động	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả khác	4,194	4,370	5,018	6,577	7,859
Nợ phải trả	24,356	25,239	26,350	32,375	39,553
Vốn chủ sở hữu	14,515	16,503	19,718	25,998	27,056
Vốn điều lệ	12,178	12,178	15,471	17,911	17,911
Thặng dư vốn cổ phần	0.02	(0.04)	0.01	2,440	2,440
Lợi nhuận giữ lại	2,335	4,325	3,921	5,130	5,959
Quỹ & vốn khác của CSH	1.70	0	325	517	745
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	(1.69)	(2.54)	(3.38)
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	38,871	41,742	46,066	58,370	66,605

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng (so với cùng kỳ)					
Tăng trưởng tổng TS (%)	4.79	7.39	10.4	26.7	14.1
Tăng trưởng cho vay (%)	(41.4)	13.4	18.0	27.0	30.0
Tăng trưởng TS tài chính khác (%)	43.9	(32.9)	1.21	38.8	23.0
Tăng/giảm nợ ngắn hạn (%)	(5.56)	5.99	4.22	20.9	22.9
Tăng trưởng VCSH (%)	47.8	13.7	19.5	31.8	4.07
Tăng trưởng doanh thu HĐ (%)	13.1	(3.91)	(3.17)	19.9	19.2
Tăng/giảm chi phí HĐ (%)	60.2	37.6	17.5	14.3	22.4
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ (%)	(23.2)	50.1	(17.0)	25.2	16.5
Tăng trưởng LNTT (%)	(48.5)	61.8	(4.92)	19.7	18.8
Tăng trưởng LNST (%)	(48.8)	65.5	(5.25)	19.7	18.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	(48.8)	65.5	(5.25)	19.7	18.7
Định giá					
P/E (lần)	11.9	7.21	9.35	8.58	7.87
P/B (lần)	1.00	0.88	0.94	0.82	0.79
Lợi suất cổ tức (%)	11.7	4.18	4.18	4.18	6.69
Chỉ số chính: Chỉ số CP và Chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số CP					
EPS (đồng)	1,002	1,658	1,279	1,393	1,518
DPS (đồng)	1,400	500	500	500	800
BVPS (đồng)	11,917	13,549	12,746	14,516	15,106
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,218	1,218	1,496	1,644	1,791
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,218	1,218	1,547	1,791	1,791
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,279	1,279	1,496	1,644	1,791
Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	3.21	5.01	4.36	4.39	4.35
ROAE (%)	10.0	13.0	10.6	10.0	10.3
Lãi suất cho vay ký quỹ BQ (%)	13.0	11.9	10.8	11.5	12.0
Chi phí vay nợ BQ (%)	4.50	6.80	4.00	5.00	5.00
Phí môi giới thuần (%)	0.03	0.02	0.02	0.02	0.03
Lợi suất TSTC HTM (%)	-	-	-	-	-
Lợi suất HĐ tự doanh (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ CIR (%)	61.6	40.0	48.5	46.3	47.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	140	30.2	39.1	35.9	52.7
Thị phần					
Thị phần môi giới cổ phiếu (%)	7.90	7.00	6.10	6.60	7.20
Thị phần môi giới KH nước ngoài (%)	-	-	-	-	-
Thị phần môi giới KH cá nhân (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ đòn bẩy					
Tổng nợ/vốn CSH (%)	-	-	-	-	-
Cho vay ký quỹ/vốn CSH (%)	-	-	-	-	-
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	-	-	-	-	-
Số lượng nhân viên	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn